

NGHỊ QUYẾT

Ban hành Quy định phân cấp nguồn thu, tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách trung ương, ngân sách cấp tỉnh, ngân sách cấp xã và các nhiệm vụ chi giữa ngân sách cấp tỉnh, ngân sách cấp xã năm 2026 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Xét Tờ trình số 140/TTr-UBND ngày 27 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết Quy định phân cấp nguồn thu, tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách trung ương, ngân sách cấp tỉnh, ngân sách cấp xã và các nhiệm vụ chi giữa ngân sách cấp tỉnh, ngân sách cấp xã năm 2026 và các năm tiếp theo trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết Quy định phân cấp nguồn thu, tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách trung ương, ngân sách cấp tỉnh, ngân sách cấp xã và các nhiệm vụ chi giữa ngân sách cấp tỉnh, ngân sách cấp xã năm 2026 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định phân cấp nguồn thu, tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách trung ương, ngân sách cấp tỉnh, ngân sách cấp xã và các nhiệm vụ chi giữa ngân sách cấp tỉnh, ngân sách cấp xã năm 2026 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

- Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.
- Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Điều khoản thi hành

- Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.
- Kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành, các Nghị quyết sau đây hết hiệu lực:

a) Nghị quyết số 03/2025/NQ-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

b) Nghị quyết số 28/2022/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi ban hành Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương áp dụng từ năm 2023 và các năm tiếp theo trong thời kỳ ổn định ngân sách mới.

c) Nghị quyết số 18/2025/NQ-HĐND ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương áp dụng từ năm 2023 và các năm tiếp theo trong thời kỳ ổn định ngân sách mới ban hành kèm theo Nghị quyết số 28/2022/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

d) Nghị quyết số 57/2021/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum ban hành Quy định phân cấp ngân sách Nhà nước tỉnh Kon Tum giai đoạn 2022 - 2025.

3. Trường hợp văn bản được dẫn chiếu để áp dụng tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì áp dụng theo quy định được sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi Khóa XIII Kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 09 tháng 12 năm 2025./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Vụ Pháp chế, Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản và QLXLVPHC, Bộ Tư pháp
- TTTU, TTHĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- Cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- TT HĐND, UBND các xã, phường, đặc khu;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình Quảng Ngãi;
- Trung tâm Công báo và Tin học tỉnh;
- VP ĐDBQH và HĐND tỉnh: C-PCVP, các phòng, CV;
- Lưu: VT, Cthđnd (Nhpt).

CHỦ TỊCH

Nguyễn Đức Tuy

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

Phân cấp nguồn thu, tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách trung ương, ngân sách cấp tỉnh, ngân sách cấp xã và các nhiệm vụ chi giữa ngân sách cấp tỉnh, ngân sách cấp xã năm 2026 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 19/2025/NQ-HĐND)

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

Quy định phân cấp nguồn thu, tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách trung ương, ngân sách cấp tỉnh, ngân sách cấp xã và các nhiệm vụ chi giữa ngân sách cấp tỉnh, ngân sách cấp xã năm 2026 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

2. Đối tượng áp dụng:

a) Các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội và các đơn vị khác ở tỉnh; Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh;

b) Các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp được ngân sách địa phương hỗ trợ theo nhiệm vụ Nhà nước giao;

c) Các đơn vị sự nghiệp công lập; các tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến ngân sách địa phương trên địa bàn tỉnh.

Điều 2. Nguyên tắc cân đối

Nguyên tắc cân đối được xác định trên cơ sở chênh lệch giữa số chi và nguồn thu ngân sách cấp dưới. Nếu chi lớn hơn thu thì được cấp bổ sung cân đối ngân sách. Nếu thu lớn hơn chi thì được giao thêm nhiệm vụ chi.

Điều 3. Nguồn thu, nhiệm vụ chi ngân sách địa phương

Nguồn thu và nhiệm vụ chi của ngân sách địa phương được quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

Điều 4. Phân cấp nguồn thu, tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách trung ương, ngân sách cấp tỉnh, ngân sách cấp xã như Phụ lục kèm theo.

Điều 5. Phân cấp nhiệm vụ chi ngân sách cấp tỉnh

1. Chi đầu tư phát triển:

- a) Đầu tư cho các dự án do cấp tỉnh quản lý theo quy định;
- b) Đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích thiết yếu cho xã hội do Nhà nước đặt hàng; các tổ chức kinh tế; các tổ chức tài chính của địa phương; đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp của địa phương theo quy định của pháp luật;
- c) Chi Chương trình mục tiêu quốc gia do các cơ quan cấp tỉnh thực hiện;
- d) Cấp bù chênh lệch lãi suất, phí quản lý và ủy thác cho vay qua ngân hàng chính sách để thực hiện các chính sách phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương;
- đ) Các khoản chi đầu tư phát triển khác theo quy định của pháp luật.

2. Chi thường xuyên:

a) Các hoạt động sự nghiệp giáo dục - đào tạo, dạy nghề; y tế, dân số và gia đình; văn hóa thông tin; phát thanh truyền hình; thể dục, thể thao; bảo đảm xã hội do cấp tỉnh quản lý như: Chi thực hiện các nhiệm vụ giáo dục đại học, cao đẳng, trung cấp, trung học phổ thông, các trường dạy nghề dài hạn và ngắn hạn, các hình thức bồi dưỡng, dạy nghề khác và các hoạt động giáo dục khác do cấp tỉnh quản lý; phòng bệnh, khám chữa bệnh, các hoạt động y tế, dân số và gia đình khác; bảo tồn, bảo tàng, thư viện, nghiên cứu lịch sử, biểu diễn nghệ thuật, chiếu phim, triển lãm và hoạt động văn hóa thông tin khác; các nhiệm vụ phát thanh, truyền hình, thông tấn; bồi dưỡng, tập huấn huấn luyện viên, vận động viên các đội tuyển cấp tỉnh phục vụ các giải thi đấu cấp tỉnh trở lên, các cơ sở thi đấu thể dục thể thao và các hoạt động thể dục thể thao khác do tỉnh quản lý; chi cho các trung tâm, các trại xã hội, chi phòng chống các tệ nạn xã hội và các hoạt động xã hội khác.

b) Các hoạt động sự nghiệp kinh tế do cấp tỉnh quản lý: Chi các nhiệm vụ giao thông (duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa cầu đường và các công trình giao thông khác, lập biển báo và các biện pháp bảo đảm an toàn giao thông trên các tuyến đường do tỉnh quản lý); chi các nhiệm vụ nông nghiệp, thủy lợi, ngư nghiệp, diêm nghiệp và lâm nghiệp (duy tu, bảo dưỡng các tuyến đê, các công trình thủy lợi, các trạm trại nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp; công tác khuyến lâm, khuyến ngư; chi khoanh nuôi, bảo vệ, phòng chống cháy rừng, bảo vệ nguồn lợi thủy sản); chi kiến thiết thị chính (duy tu, bảo dưỡng hệ thống đèn chiếu sáng, vỉa hè, hệ thống cấp thoát nước, giao thông nội thành, công viên và các sự nghiệp thị chính khác do tỉnh quản lý); đo đạc, lập bản đồ, lưu trữ hồ sơ địa chính và các hoạt động sự nghiệp địa chính khác; các nhiệm vụ, dự án quy hoạch do tỉnh phê duyệt. Riêng đối với các nhiệm vụ, dự án quy hoạch chung xã, ngân sách cấp tỉnh hỗ trợ 100%; đối với các nhiệm vụ, dự án quy hoạch đô thị và nông thôn khác do cấp xã lập, tỉnh phê duyệt trên địa bàn xã, phường, đặc khu Lý Sơn, ngân sách cấp tỉnh hỗ trợ 50% kinh phí quy hoạch; điều tra cơ bản và các sự nghiệp kinh tế khác.

c) Các hoạt động sự nghiệp bảo vệ môi trường.

d) Hoạt động quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội phân giao cấp tỉnh quản lý; hỗ trợ thực hiện một số nhiệm vụ chi thuộc nhiệm vụ của ngân sách trung ương.

đ) Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức chính trị, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội trực thuộc Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh; hỗ trợ các tổ chức xã hội theo quy định của pháp luật;

e) Hỗ trợ cho các tổ chức chính trị xã hội- nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp cấp tỉnh theo quy định của pháp luật.

g) Các Chương trình mục tiêu quốc gia do Chính phủ giao cho tỉnh quản lý.

h) Các khoản chi khác theo quy định của pháp luật.

3. Chi trả lãi, phí và chi phí phát sinh khác từ các khoản tiền do chính quyền cấp tỉnh vay.

4. Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính.

5. Chi viện trợ theo quy định của Chính phủ.

6. Chi cho vay theo quy định của Chính phủ.

7. Chi chuyển nguồn sang năm sau của ngân sách cấp tỉnh.

8. Chi bổ sung cân đối ngân sách, bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp xã.

9. Chi hỗ trợ thực hiện một số nhiệm vụ quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

Điều 6. Phân cấp nhiệm vụ chi ngân sách cấp xã

1. Chi đầu tư phát triển:

a) Chi đầu tư các dự án do xã, phường, đặc khu quản lý;

b) Chi đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội từ nguồn huy động đóng góp của các tổ chức, cá nhân cho từng dự án nhất định theo quy định của pháp luật;

c) Chi các Chương trình mục tiêu quốc gia do cấp xã thực hiện.

d) Các khoản chi đầu tư phát triển khác theo quy định của pháp luật.

2. Chi thường xuyên:

a) Chi thực hiện các nhiệm vụ về quốc phòng: thực hiện việc đăng ký nghĩa vụ quân sự, công tác nghĩa vụ quân sự khác thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách cấp xã theo quy định của pháp luật; hỗ trợ triển khai các nhiệm vụ mới, tổ chức sơ kết, tổng kết quân sự địa phương; tổ chức hội nghị, tập huấn nghiệp vụ công tác quốc phòng trên địa bàn; tổ chức các hoạt động ngày quốc phòng toàn dân, ngày truyền thống của lực lượng dân quân tự vệ, ngày biên phòng toàn dân; tham gia hội thao quốc phòng các cấp; tổng kết khen thưởng các đơn vị, cán bộ có thành tích trong công tác quốc phòng; tổ chức, huấn luyện và hoạt động của lực lượng dân quân tự vệ; tổ chức và huy động lực lượng dự bị động viên thuộc

nhệm vụ được giao; tổ chức và phối hợp diễn tập khu vực phòng thủ theo quy định của pháp luật; công tác tuyển quân và đón tiếp quân nhân hoàn thành nghĩa vụ trở về, công tác giáo dục quốc phòng và các nhiệm vụ khác của công tác quốc phòng theo quy định của pháp luật.

b) Chi thực hiện các nhiệm vụ an ninh, trật tự an toàn xã hội: chi tuyên truyền, vận động, giáo dục và tổ chức phong trào bảo vệ an ninh, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn; chi triển khai nhiệm vụ mới, sơ kết, tổng kết, khen thưởng trong phong trào quần chúng bảo vệ an ninh, trật tự - an toàn xã hội trên địa bàn, chi ngày hội toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc; tổ chức hội nghị, tập huấn nghiệp vụ an ninh, trật tự trên địa bàn; hỗ trợ các hoạt động giữ gìn an ninh, trật tự, an toàn xã hội và các nhiệm vụ khác về công tác an ninh, trật tự, an toàn xã hội theo quy định của pháp luật.

c) Chi sự nghiệp giáo dục và đào tạo do cấp xã quản lý.

d) Chi sự nghiệp y tế do cấp xã quản lý.

đ) Chi hoạt động văn hóa, thông tin do cấp xã quản lý.

e) Chi hoạt động phát thanh, truyền thanh do cấp xã quản lý.

g) Chi hoạt động thể dục, thể thao do cấp xã quản lý.

h) Chi hoạt động bảo vệ môi trường do cấp xã quản lý.

i) Chi cho các hoạt động kinh tế bao gồm: Nông nghiệp, công nghiệp, thương nghiệp, địa chính, ngư nghiệp, diêm nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi, sự nghiệp giao thông (*duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa cầu đường và các công trình giao thông khác, lập biển báo và các biện pháp bảo đảm an toàn giao thông trên các tuyến đường do cấp xã quản lý*), chi kiến thiết thị chính, các sự nghiệp kinh tế khác do cấp xã quản lý; các nhiệm vụ, dự án quy hoạch do cấp xã lập, cấp tỉnh phê duyệt và do cấp xã phê duyệt.

k) Chi hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức chính trị, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trực thuộc Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; hỗ trợ các tổ chức xã hội theo quy định của pháp luật: Chi cho hoạt động thường xuyên của các cơ quan nhà nước cấp xã (*bao gồm: Tiền lương, tiền công, phụ cấp cho cán bộ, công chức và người hoạt động không chuyên trách; phụ cấp đại biểu Hội đồng nhân dân; kinh phí hoạt động của Hội đồng nhân dân cấp xã, công tác phí; chi hoạt động văn phòng, hội nghị, tiếp tân, khánh tiết; chi mua sắm, sửa chữa thường xuyên trụ sở, phương tiện làm việc và tài sản cố định khác; chi khác theo chế độ quy định*); kinh phí hoạt động của tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam cấp xã (*Bao gồm kinh phí hoạt động chi bộ cơ sở*); kinh phí hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã sau khi trừ các khoản thu theo điều lệ và các khoản thu khác (*nếu có*); kinh phí hỗ trợ hoạt động cho các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp ở cấp xã theo quy định của pháp luật; kinh phí hoạt động của các thôn, tổ dân phố; kinh phí hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân, Ban giám sát đầu tư của cộng đồng, tổ hòa giải ở cơ sở, xây dựng đoàn kết ở khu

dân cư; đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế cho cán bộ, công chức, viên chức cấp xã và các đối tượng khác theo chế độ quy định.

l) Chi đảm bảo xã hội: Trợ cấp hàng tháng cho cán bộ xã nghỉ việc theo chế độ theo Quyết định số 130/CP ngày 20 tháng 6 năm 1975 của Hội đồng Chính phủ và Quyết định số 111/HĐBT ngày 13 tháng 10 năm 1981 của Hội đồng Bộ trưởng *(không kể trợ cấp hàng tháng cho cán bộ xã nghỉ việc và trợ cấp thôi việc 1 (một) lần cho cán bộ xã nghỉ việc từ ngày 01 tháng 01 năm 1998 trở về sau do tổ chức bảo hiểm xã hội chi trả)*; chi thăm hỏi các gia đình chính sách; trợ giúp xã hội, cứu trợ đột xuất và công tác xã hội khác.

m) Chi các Chương trình mục tiêu quốc gia do cấp xã thực hiện

n) Chi trả thực hiện các chế độ chính sách theo quy định của cấp có thẩm quyền.

o) Các khoản chi thường xuyên khác cấp xã theo quy định của pháp luật.

3. Chi chuyển nguồn ngân sách cấp xã.

Phụ lục*(Kèm theo Nghị quyết số 19/2025/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 của HĐND tỉnh)*

Số TT	Danh mục thu	Tỷ lệ (%)			Ghi chú
		TW	Tỉnh	Cấp xã	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(7)
1	Thuế thu từ các Doanh nghiệp Nhà nước Trung ương, địa phương (bao gồm Doanh nghiệp Nhà nước đã cổ phần hóa Nhà nước nắm giữ từ 50% vốn Điều lệ trở lên), doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (trừ Xổ số kiến thiết)				
1.1	Thuế giá trị gia tăng (GTGT)		100		
1.2	Thuế TNDN (trừ các DN hạch toán toàn ngành)		100		
1.3	Thuế TTĐB hàng hóa, dịch vụ trong nước		100		
1.4	Thuế tài nguyên, trừ thuế tài nguyên thu từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu, khí				
-	Nước thủy điện		100		
-	Khác		50	50	
1.5	Thu khác về thuế (bao gồm thu phạt về thuế do cơ quan địa phương ra Quyết định)		100		
2	Thuế công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh				
2.1	Thuế GTGT, thuế TNDN, thuế TTĐB của các công ty cổ phần (bao gồm Doanh nghiệp Nhà nước đã cổ phần hóa Nhà nước nắm giữ dưới 50% vốn Điều lệ), Công ty trách nhiệm hữu hạn, hợp tác xã.				
a	Trên địa bàn các xã, phường: Cẩm Thành, Nghĩa Lộ, Trương Quang Trọng, Kon Tum, Bình Sơn, Vạn Tường		70	30	
b	Trên địa bàn các xã, phường còn lại và đặc khu Lý Sơn			100	
c	Các khoản thu thuế từ Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi, Công ty Cổ phần Đường Quảng Ngãi, Công ty Thép Hòa Phát - Dung Quất và Công ty Thủy điện Kon Tum - Chi nhánh Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn Sông Hinh (trừ số thu thuế tài nguyên)		100		
2.2	Thuế GTGT, thuế TTĐB của kinh tế cá thể, hộ gia đình			100	
2.3	Thuế tài nguyên, trừ thuế tài nguyên thu từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu, khí				
-	Nước, thủy điện		100		
-	Khác		50	50	
2.4	Thu khác về thuế Công thương nghiệp và dịch vụ ngoài quốc doanh (bao gồm thu phạt về thuế do cơ quan địa phương ra Quyết định)			100	
3	Lệ phí trước bạ			100	
4	Thuế sử dụng đất nông nghiệp			100	

Số TT	Danh mục thu	Tỷ lệ (%)			Ghi chú
		TW	Tỉnh	Cấp xã	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(7)
5	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp			100	
6	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, tài nguyên nước				
6.1	Giấy phép do Trung ương cấp	70		30	
6.2	Giấy phép do UBND tỉnh cấp			100	
7	Tiền sử dụng khu vực biên		80	20	
8	Thu tiền sử dụng đất				Ngân sách cấp tỉnh trích tối thiểu 5% nguồn thu tiền sử dụng đất ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp, từ nguồn thu được hưởng theo phân cấp của ngân sách cấp tỉnh để thực hiện công tác đo đạc, lập bản đồ địa chính theo quy định trên địa bàn tỉnh
8.1	Cấp đất cho cá nhân (bao gồm chuyển mục đích sử dụng đất)	15		85	
8.2	Thu đầu giá quyền sử dụng đất				
a	Dự án do ngân sách cấp tỉnh đầu tư	15	70	15	
b	Dự án do ngân sách cấp xã đầu tư	15		85	
8.3	Các dự án giao đất cho nhà đầu tư tự bỏ vốn làm chủ dự án và các dự án đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư				Đối với tiền sử dụng đất từ quỹ đất thanh toán cho nhà đầu tư thực hiện dự án BT có quy định riêng cho từng dự án
a	Trên địa bàn các xã, phường	15	70	15	Tối đa không quá 100 tỷ đồng/năm (bao gồm nguồn thu tại điểm a mục 8.2 Phụ lục này)
b	Trên địa bàn đặc khu Lý Sơn	15	35	50	Tối đa không quá 100 tỷ đồng/năm (bao gồm nguồn thu tại điểm a mục 8.2 Phụ lục này)
8.4	Thu tiền sử dụng đất khi nhà nước giao đất tái định cư				
a	Khu tái định cư do ngân sách tỉnh và trung ương đầu tư	15	85		
b	Khu tái định cư do ngân sách xã, phường và đặc khu Lý Sơn đầu tư	15		85	
9	Thu tiền cho thuê đất				
9.1	Thuế tỉnh Quảng Ngãi thu	15	85		
9.2	Thuế cơ sở thu	15		85	

Số TT	Danh mục thu	Tỷ lệ (%)			Ghi chú
		TW	Tỉnh	Cấp xã	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(7)
10	Thu tiền cho thuê mặt nước				
10.1	Thuế tỉnh Quảng Ngãi thu		100		
10.2	Thuế cơ sở thu			100	
11	Thuế thu nhập cá nhân				
11.1	Thuế tỉnh Quảng Ngãi thu		100		
11.2	Thuế cơ sở thu			100	
12	Thu từ hoạt động xổ số		100		
13	Thuế bảo vệ môi trường		100		
14	Phí bảo vệ môi trường đối với nước thải, khí thải, khai thác khoáng sản <i>(đối với phí bảo vệ môi trường từ nước thải đã trừ các khoản được để lại cho đơn vị cung cấp nước sạch, chi phí hoạt động thu phí)</i>		50	50	
15	Thu phí, lệ phí khác				
15.1	Các đơn vị tỉnh quản lý		100		
15.2	Các đơn vị xã, phường và đặc khu Lý Sơn quản lý			100	
16	Thu sự nghiệp				
16.1	Các đơn vị tỉnh quản lý		100		
16.2	Các đơn vị xã, phường và đặc khu Lý Sơn quản lý			100	
17	Thu tiền thuê nhà, thanh lý tài sản thuộc sở hữu nhà nước				
17.1	Các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh quản lý		100		
17.2	Các cơ quan, tổ chức, đơn vị của xã, phường và đặc khu Lý Sơn quản lý			100	
18	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản			100	
19	Tiền thu từ xử phạt vi phạm hành chính, phạt, tịch thu khác theo quy định của pháp luật do các cơ quan nhà nước địa phương thực hiện				
19.1	Do cơ quan nhà nước cấp tỉnh thực hiện		100		
19.2	Do cơ quan nhà nước xã, phường và đặc khu Lý Sơn thực hiện			100	
20	Huy động đóng góp từ các cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật				
20.1	Do các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh thu		100		
20.2	Do các cơ quan, đơn vị của xã, phường và đặc khu Lý Sơn thu			100	

Số TT	Danh mục thu	Tỷ lệ (%)			Ghi chú
		TW	Tỉnh	Cấp xã	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(7)
21	Các khoản thu hồi vốn của ngân sách địa phương đầu tư tại các tổ chức kinh tế (bao gồm cả gốc và lãi); thu cổ tức, lợi nhuận được chia tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên có vốn góp của Nhà nước do Ủy ban nhân dân tỉnh đại diện chủ sở hữu; thu phần lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ do Ủy ban nhân dân tỉnh đại diện chủ sở hữu		100		
22	Viện trợ không hoàn lại của các tổ chức quốc tế, các tổ chức khác, các cá nhân ở nước ngoài trực tiếp cho địa phương				
22.1	Giao cho các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh thực hiện		100		
22.2	Giao các xã, phường và đặc khu Lý Sơn thực hiện			100	
23	Phí thu từ các hoạt động dịch vụ do các cơ quan nhà nước thực hiện, sau khi trừ các khoản khoán chi phí hoạt động; các khoản thu phí thu từ các hoạt động dịch vụ do đơn vị sự nghiệp công lập thì được phép trích lại một phần hoặc toàn bộ, phần còn lại thực hiện nộp ngân sách theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí và quy định khác của pháp luật có liên quan				
23.1	Do cơ quan, đơn vị cấp tỉnh quản lý thu		100		
23.2	Do xã, phường và đặc khu Lý Sơn quản lý thu			100	
24	Thu từ giao, cho thuê rừng			100	
25	Thu từ bán tài sản nhà nước, kể cả thu tiền sử dụng đất gắn với tài sản trên đất do các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc địa phương quản lý				
25.1	Các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh quản lý		100		
25.2	Các cơ quan, tổ chức, đơn vị của xã, phường và đặc khu Lý Sơn quản lý			100	
26	Thu từ quỹ dự trữ tài chính địa phương		100		
27	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của Nhà nước do các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc địa phương xử lý				
27.1	Các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh xử lý		100		
27.2	Các cơ quan, tổ chức, đơn vị của xã, phường và đặc khu Lý Sơn xử lý			100	
28	Các khoản thu khác				
28.1	Do tỉnh thu		100		
28.2	Do xã, phường và đặc khu Lý Sơn thu			100	

Tất cả các khoản thu phân chia nêu trên bao gồm cả khoản tiền chậm nộp theo quy định của Luật Quản lý thuế. Riêng đối với *

* thu tiền chậm nộp ngân sách địa phương được hưởng nhưng không được hạch toán riêng theo từng khoản thu và tiền chậm nộp thuế tài nguyên thì ngân sách cấp tỉnh hưởng 100%